

MỐI QUAN HỆ GIỮA HỆ THỐNG TÀI NGUYÊN VÀ HỆ THỐNG KINH TẾ

◆ Nguyễn Danh Nam¹

TÓM TẮT

Về bản chất kinh tế, tài nguyên thiên nhiên (TNTN) và rộng hơn là môi trường, với tư cách là một hệ thống cung cấp các nguồn lực đầu vào cho hệ thống kinh tế và hàm chứa, hấp thụ các chất thải đầu ra là một yếu tố rất quan trọng quyết định tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tại nhiều quốc gia, khai thác và xuất khẩu tài nguyên đóng góp tới 80% ngân sách nhưng việc khai thác quá mức tài nguyên dẫn tới cạn kiệt và ảnh hưởng tới sự bền vững của tăng trưởng. Ngược lại, cũng có những quốc gia khai thác tài nguyên theo hướng bền vững, kết hợp giữa tài nguyên tự nhiên, con người và khoa học để tạo sự tăng trưởng bền vững. Mối quan hệ giữa tài nguyên và chất lượng tăng trưởng gần đây đã được thế giới quan tâm và nghiên cứu với mục tiêu là tìm ra những cách thức và mô hình tăng trưởng tối ưu cho từng quốc gia. Trong đó, mấu chốt là việc sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững, đồng thời tạo ra năng lực cạnh tranh của quốc gia trên trường quốc tế.

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Nguồn tài nguyên thiên nhiên có một số đặc điểm chủ yếu sau:

Sự phân bố nguồn tài nguyên thiên nhiên (TNTN) không đồng đều giữa các vùng khác nhau trên trái đất tạo nên sự ưu đãi về tự nhiên cho từng vùng lãnh thổ khác nhau. Chẳng hạn như

Nga, Mỹ và các nước Trung Đông có những mỏ dầu lớn nhất thế giới hoặc ở lưu vực sông Amazon là những khu rừng nguyên thủy rất lớn được coi là lá phổi của thế giới và là nguồn tài nguyên vô giá.

Đa số tài nguyên thiên nhiên có giá trị kinh tế cao hiện nay đều hình thành trải qua một quá trình lâu dài. Những khu rừng nhiệt đới đang phát triển trên thế giới cần khoảng thời gian từ 50 - 100 năm để cho cây trưởng thành. Có được dầu mỏ và khí đốt ở các mỏ dầu cần khoảng 10 - 100 triệu năm cho các quá trình biến đổi về địa lý.

Quy mô của nguồn tài nguyên thiên nhiên được xác định qua trữ lượng thăm dò và trữ lượng khai thác. Tuy nhiên, phần đóng góp của tài nguyên thiên nhiên vào tổng sản lượng quốc gia được xác định qua khả năng khai thác hàng năm và được tích lũy vào vốn sản xuất chỉ khi tài nguyên đó được khai thác.

Quá trình sinh trưởng phát triển của tài nguyên thiên nhiên gắn với môi trường tự nhiên, chúng tạo nên sự cân bằng trong thiên nhiên. Do tài nguyên thiên nhiên là sản phẩm của tự nhiên nên khi con người khai thác tức là lấy đi sản phẩm của tự nhiên, nếu khai thác không phù hợp với quy luật của tự nhiên làm cạn kiệt tài nguyên, làm biến đổi bất lợi cho môi trường. Qua các đặc điểm trên cho thấy, đặc điểm cơ bản của tài nguyên thiên nhiên là tính quý và hiếm.

Nguồn tài nguyên thiên nhiên được chia làm ba loại:

¹ Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Tài nguyên không có tái sinh: Bao gồm những tài nguyên có quy mô giới hạn như đất đai và những tài nguyên mà khi khai thác sử dụng sẽ cạn dần như các loại khoáng sản và dầu khí. Nhận thức được vấn đề này để có kế hoạch bảo vệ, khai thác sao cho hiệu quả và tránh lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Tài nguyên có khả năng tái sinh thông qua tác động của con người: Bao gồm tài nguyên rừng và các loại động thực vật trên cạn và dưới nước. Những loại tài nguyên này sau khi khai thác chúng có thể tái sinh lại nếu có các biện pháp khai thác hợp lý và chính sách bảo vệ thích hợp. Còn nếu khai thác quá khả năng tái sinh sẽ dẫn đến cạn kiệt tài nguyên và giảm khả năng đa dạng sinh vật.

Do đó, đối với những tài nguyên này cần kết hợp chặt chẽ giữa khả năng khai thác và khả năng tái sinh để tránh sự cạn kiệt. Nhiều nước đang phát triển thường khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên ở giai đoạn đầu để phục vụ cho phát triển kinh tế nhưng lại xem nhẹ bảo vệ khả năng tái sinh của chúng.

Tài nguyên có khả năng tái sinh vô tận trong thiên nhiên: Bao gồm các loại tài nguyên khi sử dụng qua nhiều thế hệ vẫn vô tận, như nguồn năng lượng mặt trời, nước biển, thủy triều, sức gió, không khí... Đây là nguồn tài nguyên tự tái tạo vô tận nên cần mở rộng việc tận dụng nguồn tài nguyên này.

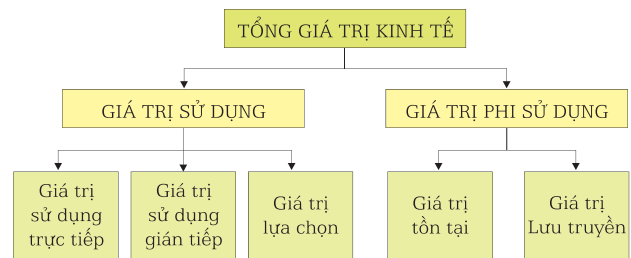
II. VAI TRÒ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với tăng trưởng kinh tế:

Lý thuyết tăng trưởng đã chỉ ra rằng, 4 yếu tố quyết định đến tăng trưởng gồm: Vốn vật chất, vốn con người, tài nguyên thiên nhiên và trình độ khoa học công nghệ. Những nhân tố này tác động tương hỗ với nhau để gia tăng năng suất của nền kinh tế, đến lượt mình năng suất sẽ quyết định số lượng hàng hóa và dịch vụ mà một nền kinh tế tạo ra được trên một đơn vị thời gian, khi qui đổi về thước đo giá trị chính là tăng trưởng kinh tế GDP.

Như vậy, trên giác độ các yếu tố đầu vào, một nền kinh tế đạt được tăng trưởng dựa chủ yếu vào 3 nhân tố chính: Vốn (K) gồm cả tài nguyên thiên nhiên, lao động (L) và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP - Total Factor Productivity). Hàm sản

xuất có dạng: $Y = F(K, L, TFP)$, trong đó: Y là thu nhập của nền kinh tế (GDP) TNTN không chỉ đóng góp những giá trị kinh tế trực tiếp cho hệ thống kinh tế mà còn cung cấp các hàng hóa và dịch vụ khác cho hệ thống phúc lợi xã hội. Hình 1 minh họa cụ thể các thành phần của tổng giá trị kinh tế của TNTN. Tổng giá trị kinh tế của tài nguyên gồm giá trị sử dụng (các hàng hóa và dịch vụ sinh thái) và giá trị phi sử dụng (giá trị nằm trong cảm nhận, sự thỏa mãn, tri thức của cá nhân và cộng đồng khi tài nguyên được bảo tồn và lưu truyền trong một trạng thái nhất định).



Hình 1. Tổng giá trị kinh tế của tài nguyên thiên nhiên

Nguồn: Nguyễn Thế Chinh (2003)

Như vậy, trong các chính sách tăng trưởng phải nhận thức rằng TNTN là một động cơ quan trọng kích thích tăng trưởng, TNTN là một loại tài sản, cũng giống như những tài sản khác mà con người đang có và đang sử dụng. Tài nguyên cung cấp các yếu tố đầu vào sản xuất, các dịch vụ sinh thái cho các quốc gia, doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội. Đồng thời tài nguyên cũng bị khấu hao theo thời gian nếu không biết quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả. Trong mọi điều kiện, tài nguyên là một nguồn lực để phát triển kinh tế và giống như các nguồn lực khác, chúng là khan hiếm tức là có giới hạn về mặt số lượng và chất lượng. Vì vậy, phải tìm cách sử dụng nguồn lực này tối ưu nhất.

2. Tác động của tài nguyên thiên nhiên đối với tăng trưởng kinh tế:

Các tiêu chí đánh giá tác động của tài nguyên đối với tăng trưởng kinh tế trên một số khía cạnh cơ bản sau:

Thứ nhất, đóng góp của tài nguyên đối với tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu và thu ngân sách: Các nước giàu có về tài nguyên thiên nhiên thường tạo ra các chính sách hấp dẫn để khai thác nguồn tài nguyên này phục vụ tăng trưởng kinh tế. Theo

lý thuyết lợi thế so sánh, các nước thường xuất khẩu các nguồn tài nguyên có lợi thế so sánh để thu ngoại tệ về phục vụ phát triển kinh tế. Còn theo lý thuyết đầu tư quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài luôn đi tìm các nguồn lực mà trong nước khan hiếm để đầu tư, tiết kiệm chi phí trong nước. Chính phủ các nước giàu có về tài nguyên sẽ tạo lập hệ thống chính sách, môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài, bổ sung sự khan hiếm về nguồn vốn trong nước, đưa các nguồn tài nguyên trở thành của cải để phục vụ tăng trưởng và phát triển. Thuế là công cụ trực tiếp để các chính phủ áp dụng đối với các doanh nghiệp nước ngoài, và nguồn thuế này sẽ làm cải thiện ngân sách quốc gia.

Thứ hai, tài nguyên tạo việc làm và cải thiện thu nhập: ILO ước tính ngành khai thác tài nguyên trên thế giới thu hút từ 22-25 triệu người lao động, chiếm khoảng 1% lực lượng lao động toàn cầu (ILO 2007). Ở các nước giàu có tài nguyên, tỷ lệ người dân tham gia lao động trong các ngành khai thác tài nguyên là cao hơn rất nhiều, bởi chính phủ và nhà đầu tư nước ngoài đều có xu hướng tập trung khai thác và mở rộng sản xuất trong những ngành này. Thông thường, các mỏ tài nguyên thường phân bố ở những vùng xa xôi, hẻo lánh, khó khai thác, do vậy việc khai thác các mỏ tài nguyên này tạo điều kiện thuận lợi cho việc xoá đói giảm nghèo ở các vùng này mà các khu vực kinh tế tư nhân trong nước không thể thực hiện được...

Thứ ba, tài nguyên đem lại các tác động môi trường, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế: So với các tài nguyên có khả năng tái tạo, các nguồn tài nguyên không tái tạo như kim loại, quặng, dầu mỏ khí đốt không cần nhiều đến việc sử dụng đất đai để khai thác. Tuy nhiên, khai thác các loại tài nguyên này có thể làm ô nhiễm nguồn nước, phá huỷ môi trường sinh thái và tạo ra sự cạn kiệt không còn khả năng khai thác cho thế hệ tương lai. Tác động đến môi trường khi khai thác tài nguyên còn thể hiện ở các khía cạnh tiêu dùng năng lượng và nước, ô nhiễm không khí, nước và đất đai, cạn kiệt môi trường sinh thái ở các dòng sông, đáy biển.

Thứ tư, "lời nguyền tài nguyên" và những vấn đề cần tránh trong khai thác tài nguyên phục vụ tăng trưởng và phát triển kinh tế: Kinh tế học về tài nguyên cho rằng tài nguyên thiên nhiên

thường có xu hướng trở thành "lời nguyền" hơn là đem lại lợi ích cho tăng trưởng kinh tế bởi một số lý do sau: Tài nguyên (đặc biệt là tài nguyên không tái tạo) thường có xu hướng loại bỏ các nhà sản xuất ra khỏi lĩnh vực hoạt động của mình khi các nguồn tài nguyên này bị khai thác cạn kiệt không còn khả năng tái tạo. Nguồn tài nguyên được các tác giả gọi là "ngành đi vào bước đường cùng" (dead end).

Khai thác tài nguyên thường tạo ra tăng trưởng kinh tế thấp bởi các ngành này thường sử dụng công nghệ thấp, không khuyến khích tăng năng suất lao động, không tạo được động lực để nền kinh tế chuyển dịch sang các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.

Tài nguyên thiên nhiên thường đi theo chu kỳ "bùng nổ và phá vỡ" (boom and bust) bởi nó chịu tác động của biến động giá cả trên thị trường thế giới, khiến xuất khẩu tài nguyên luôn phụ thuộc vào thị trường bên ngoài, ảnh hưởng đến nguồn thu ngoại tệ, thu ngân sách và các mục tiêu tăng trưởng khác.

Tài nguyên hay phải chịu tác động của "căn bệnh Hà Lan" (Dutch disease)

Căn bệnh Hà Lan được đặt dựa theo kinh nghiệm của nền kinh tế Hà Lan trong thập niên 1960s và 1970s, khi trữ lượng khí đốt tự nhiên của nước này được phát hiện. Sự gia tăng xuất khẩu khí đốt ở Hà Lan làm tăng tỷ giá hối đoái thực, khiến cho hàng công nghiệp xuất khẩu của Hà Lan trở nên kém cạnh tranh. Từ năm 1970 đến năm 1977, tỉ lệ thất nghiệp tăng từ 1,1% đến 5,1%. Đầu tư doanh nghiệp sụt giảm. Xuất khẩu khí đốt kéo theo nguồn ngoại tệ tràn vào, làm tăng cầu đồng Guilder và vì thế khiến nó mạnh lên. Điều này khiến các lĩnh vực khác của nền kinh tế trở nên kém cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế...

Từ những phân tích trên đây cho thấy, sự phát triển kinh tế dựa vào nguồn tài nguyên thành công hay không hoàn toàn không chỉ là vấn đề của nguồn lực địa lý sẵn có.

3. Các mô hình tăng trưởng kinh tế trong quan hệ với tài nguyên thiên nhiên:

Mô hình tăng trưởng trì trệ: Nền kinh tế có thể đạt tăng trưởng trong một giai đoạn ngắn nhưng tốc độ tăng có xu hướng giảm dần, dẫn đến trì trệ và khó duy trì tăng trưởng được lâu dài. Mô hình tăng trưởng loại này thường không bền vững. Lý

do chính là lạm dụng quá nhiều tài nguyên thiên nhiên để tăng trưởng. Nền kinh tế có thể rơi vào vòng luẩn quẩn vì khi tài nguyên cạn kiệt có thể dẫn tới thiếu nguồn lực để đầu tư, nhất là vào vốn con người và vốn vật chất. Kết quả của mô hình này là vừa không duy trì được tăng trưởng, không tăng phúc lợi và không thực hiện được mục tiêu xoá đói nghèo. Mô hình này có thể thấy ở một số nước đang phát triển.

Mô hình tăng trưởng bị bóp méo: Để đạt tốc độ tăng trưởng cao cũng như thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhiều nước đang phát triển còn cho phép khai thác tài nguyên và môi trường quá mức, thường thấy ở các nước có lợi thế so sánh cho phát triển các ngành tập trung tài nguyên, ví dụ khai thác nguyên liệu thô. Các biện pháp phổ biến là giữ chi phí liên quan đến vốn con người và tài nguyên ở mức thấp bằng cách không thực hiện (hoặc không nghiêm túc thực hiện) các qui định về bảo vệ môi trường, các qui định về vệ sinh và an toàn lao động,... Các chính sách này được coi là một trong những biện pháp khuyến khích đầu tư, nhưng tác động trái là làm giảm giá của vốn tài nguyên để thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Giảm nguồn tài nguyên cả về lượng và chất có thể làm giảm năng suất của vốn vật chất. Tác động sẽ bất lợi hơn cho các nước nghèo về tài nguyên. Đối với các nước nghèo, giảm tài sản vốn tài nguyên (như tài nguyên đất, tài nguyên rừng và tài nguyên nước) sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới người nghèo.

Mô hình tăng trưởng bền vững: Các loại tài sản vốn được hình thành và đầu tư cân đối, không bị bóp méo. Đầu tư của Nhà nước chú trọng tới các lĩnh vực tạo tác động lan tỏa, tích cực tới cả nền kinh tế, như đầu tư cho giáo dục, y tế và bảo vệ vốn tài nguyên. Theo mô hình này, vốn con người là một trọng tâm của chính sách đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình phổ biến, tiếp thu và đổi mới công nghệ. So với hai loại mô hình trên, tăng trưởng theo mô hình này đạt được mục tiêu tăng phúc lợi và xoá đói nghèo. Tốc độ tăng trưởng không nhất thiết quá cao nhưng có thể duy trì trong dài hạn nhờ vào sự đầu tư và hình thành hài hoà, cân đối, không méo mó các loại tài sản vốn. Các nền kinh tế tiến tới mô hình tăng trưởng này thường có chính phủ trong sạch và quản lý hiệu quả.

Gần đây, mô hình tăng trưởng xanh cũng được

nhiều quốc gia tiếp cận như một dạng của tăng trưởng bền vững. Tăng trưởng xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội.

III. KẾT LUẬN

Tài nguyên với mỗi quốc gia cũng là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Giá trị của các nguồn tài nguyên thiên nhiên nằm ở khả năng tạo ra các dòng dịch vụ theo thời gian. Giá trị tiềm năng của việc áp dụng các công cụ và nguyên tắc kinh tế như là một phương tiện để cải thiện các ưu tiên và chính sách về tài nguyên của quốc gia và quốc tế. Việt Nam đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên do khai thác quá mức hoặc do những thay đổi của khí hậu toàn cầu. Điều này cho thấy việc định giá tài nguyên thực sự trở nên cần thiết để qua đó xác định được giá trị của nó, áp dụng các công cụ kinh tế giúp các nhà quản lý cũng như là những người sử dụng nhận thức rõ về giới hạn của tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm, hiệu quả và hợp lý hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệu Thuý, 2018. Quản lý nguồn tài nguyên nước: Thực trạng và giải pháp. Bộ tài nguyên và môi trường, Cục quản lý tài nguyên nước.
2. Đinh Đức Trường, Lê Thanh Hà, 2012. Quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng kinh tế và quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Hàm ý chính sách cho Việt Nam. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 28 (2012) 266-274.
3. Nguyễn Văn Song, 2009. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên. Nhà xuất bản Tài chính.
4. Nguyễn Thanh Hùng, 2012. Định giá nước và phân phối tối ưu tài nguyên nước khan hiếm ở cấp độ lưu vực song - thử nghiệm ở vùng hạ lưu hệ thống song Đồng Nai. Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, tập 15, số M2 - 2012.
5. Đinh Đức Trường (2010). Đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên đất ngập nước: Áp dụng thử nghiệm cho vùng đất ngập nước tại cửa sông Ba Lạt, tỉnh Nam Định.